Phụ lục 2:

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY KHÓA 14 CÓ KẾT QUẢ CAO TRONG KỲ THI THPT NĂM 2020
ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: 632/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
1	TRẦN THỊ MINH ÁNH	26/06/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A1ND	A00	25,75	100%	6.880.000
2	BÙI THỊ DIỄM QUỲNH	03/09/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A1HN	A01	25,05	100%	6.880.000
3	Vũ Thị Thanh Dung	06/11/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A2ND	A00	25,00	100%	6.880.000
4	TRẦN THỊ KIM THU	12/08/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A1ND	A00	24,80	100%	6.880.000
5	BÙI THỊ NGỌC BÍCH	17/11/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A2HN	A00	24,40	100%	6.880.000
6	Nguyễn Thị Anh	18/07/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A2HN	D01	24,40	50%	3.440.000
7	Phùng Thị Nguyệt Ánh	17/02/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A2ND	A00	24,35	50%	3.440.000
8	Phạm Thu Hương	30/04/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A2HN	A00	24,35	50%	3.440.000
9	PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	06/08/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A2ND	A00	24,30	50%	3.440.000
10	Đỗ Thị Thùy Dương	03/06/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A3HN	C01	24,30	50%	3.440.000
11	ĐOÀN THỊ THU	24/02/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A3HN	A00	24,05	50%	3.440.000
12	Nguyễn Thị Hoài	12/10/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A3HN	A01	23,75	50%	3.440.000
13	Nguyễn Thị Phương Anh	23/08/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A2ND	A00	23,65	50%	3.440.000
14	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	20/05/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A2HN	C01	23,60	50%	3.440.000
15	TRẦN THỊ PHƯƠNG	03/11/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A1ND	A00	23,15	50%	3.440.000
16	Nguyễn Thị Thúy	08/02/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A2ND	D01	23,10	50%	3.440.000
17	Kiều Thị Hảo	28/11/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A2ND	C01	22,95	50%	3.440.000
18	NINH YẾN NHI	19/10/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A2ND	D01	22,85	50%	3.440.000
19	Nguyễn Thị Huệ	12/10/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A1ND	B00	22,85	50%	3.440.000
20	LÊ THỊ KIM LOAN	31/05/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A2ND	D01	22,70	50%	3.440.000
21	LẠI HOA LƯU LY	25/09/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A1HN	C01	22,65	50%	3.440.000
22	DƯƠNG THỊ HOA	12/11/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A2ND	A00	22,60	50%	3.440.000
23	Nguyễn Thị Lan Anh	28/09/2002	Nữ	Công nghệ dệt, may	May 14A3HN	C01	22,60	50%	3.440.000
24	NGUYỄN TUẤN LINH	13/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A1CL	A00	25,10	100%	6.880.000
25	Nguyễn Khắc Toàn	17/02/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A1CL	A00	25,00	100%	6.880.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
26	TRẦN XUÂN GIAO	06/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A1CL	A00	24,55	100%	6.880.000
27	Đỗ Thị Yến	11/09/2002	Nữ	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A4HN	C01	24,20	100%	6.880.000
28	Nguyễn Văn Tú	27/04/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A4HN	A01	24,15	50%	3.440.000
29	Ngô Thế Cường	08/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A1HN	A00	23,95	50%	3.440.000
30	NGÔ THANH TUẤN	29/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A1CL	C01	23,85	50%	3.440.000
31	Phạm Duy Anh	14/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A1CL	A00	23,80	50%	3.440.000
32	Vũ Đình Thành	13/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A4HN	C01	23,65	50%	3.440.000
33	Hoàng Minh Đức	12/02/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A1CL	A00	23,55	50%	3.440.000
34	Bùi Ngọc Dương	09/07/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A1CL	A00	23,45	50%	3.440.000
35	Đinh Quang Hoàn	02/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A4HN	A00	23,45	50%	3.440.000
36	HOÀNG ANH BẢO	05/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A1CL	A00	23,40	50%	3.440.000
37	BÙI TUẤN ANH	06/06/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A4HN	A00	23,35	50%	3.440.000
38	Nguyễn Văn Phi	24/04/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A1CL	A00	23,35	50%	3.440.000
39	NGUYỄN HUY HIẾU	14/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A4HN	A00	23,25	50%	3.440.000
40	VŨ ĐỨC HUY	31/03/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A1CL	A00	23,15	50%	3.440.000
41	Vũ Viết Duy	01/11/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ ĐT	Cơ điện tử 14A1CL	A00	23,05	50%	3.440.000
42	Nguyễn Thành Phát	09/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A1CL	A00	23,75	100%	6.880.000
43	PHẠM XUÂN ANH	28/05/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A3HN	A00	23,35	100%	6.880.000
44	HỒ LÂN KHÁNH	23/12/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A1CL	A01	22,85	100%	6.880.000
45	Đào Việt Hoàn	13/12/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A1CL	A00	22,80	50%	3.440.000
46	ĐÀO MINH HƯƠNG	23/05/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A1CL	A01	22,75	50%	3.440.000
47	Lê Đức Thắng	12/08/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A3HN	A00	22,65	50%	3.440.000
48	NGUYỄN VĂN HOÀI LINH	11/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A3HN	A00	22,55	50%	3.440.000
49	Nguyễn Tuấn Dũng	01/03/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A1CL	A00	22,40	50%	3.440.000
50	Ngô Xuân Tú	09/08/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A3HN	C01	22,35	50%	3.440.000
51	HÀ NAM TRƯỜNG	02/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A1CL	A00	22,30	50%	3.440.000
52	Lê Văn Phúc	17/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A3HN	A00	22,30	50%	3.440.000
53	LÊ ANH ĐỨC	31/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A1CL	A00	22,10	50%	3.440.000
54	NGUYỄN BÁ THÀNH NAM	06/06/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A1CL	A00	22,00	50%	3.440.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
55	Phạm Trung Đức	17/09/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A2HN	C01	22,00	50%	3.440.000
56	HOÀNG PHI HỔ	18/04/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cơ khí 14A1CL	A00	21,90	50%	3.440.000
57	Hoàng Thị Thu Nguyệt	24/11/2002	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A2HN	C01	24,95	100%	6.880.000
58	PHẠM NGỌC NHÂN	02/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A2HN	A00	24,10	100%	6.880.000
59	ĐẶNG ĐỨC CÔNG	24/05/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A3HN	A01	23,90	100%	6.880.000
60	BÙI ANH DŨNG	06/03/1998	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A2HN	A00	23,80	50%	3.440.000
61	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	31/03/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A3HN	A00	23,70	50%	3.440.000
62	PHẠM NGỌC HOÀN	10/10/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A3HN	A00	23,50	50%	3.440.000
63	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A3HN	A00	23,00	50%	3.440.000
64	PHÙNG VĂN TÙNG	21/05/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A1HN	A00	22,35	50%	3.440.000
65	ĐẶNG CÔNG THỜI	06/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A2HN	A00	22,25	50%	3.440.000
66	VŨ THỊ THU THỦY	28/05/2001	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A2HN	D01	22,15	50%	3.440.000
67	Nguyễn Thành Dũng	21/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A3HN	A00	22,00	50%	3.440.000
68	Đoàn Văn Linh	14/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A1HN	C01	21,90	50%	3.440.000
69	Lê Văn Minh	28/10/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A2HN	C01	21,80	50%	3.440.000
70	ĐỖ VĂN ĐIỆP	28/03/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A2HN	A00	21,65	50%	3.440.000
71	Nguyễn Trường Kỳ	14/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A3HN	D 01	21,60	50%	3.440.000
72	Bùi Trần Tú	15/04/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A2HN	A00	21,60	50%	3.440.000
73	TRỊNH THANH PHONG	28/10/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - VT	Điện tử 14A1HN	A00	21,50	50%	3.440.000
74	NGUYỄN MẠNH THẮNG	01/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A1CL	C01	23,80	100%	6.880.000
75	Trần Văn Thành	22/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A1HN	A00	23,70	100%	6.880.000
76	BÙI VĂN BẮC	25/12/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A1CL	A00	23,55	50%	3.440.000
77	NGUYỄN VĂN ĐÀN	05/07/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A1CL	A00	23,55	50%	3.440.000
78	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	20/02/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A1CL	A00	23,55	50%	3.440.000
79	DƯƠNG THẾ MINH	28/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A1CL	A00	23,55	50%	3.440.000
80	Nguyễn Hữu Bình	22/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A2HN	C01	23,45	50%	3.440.000
81	NGUYỄN QUANG HUY	29/05/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A2HN	A00	23,40	50%	3.440.000
82	Nguyễn Quang Minh	24/08/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A1CL	A00	23,35	50%	3.440.000
83	Nguyễn Công Trường	01/03/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A2HN	A00	23,30	50%	3.440.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
84	HOÀNG VIỆT HÙNG	15/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A1CL	A00	23,25	50%	3.440.000
85	Trần Hữu Tuệ	05/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A1CL	C01	22,95	50%	3.440.000
86	LÊ VŨ GIANG	17/03/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A1CL	A00	22,85	50%	3.440.000
87	TẠ VĂN THẮNG	22/03/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A1CL	A00	22,85	50%	3.440.000
88	Nguyễn Xuân Tới	25/02/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A3HN	A00	22,85	50%	3.440.000
89	TRẦN MINH DŨNG	12/12/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A2HN	C01	22,80	50%	3.440.000
90	Bùi Văn Toàn	17/04/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện 14A1CL	A00	22,80	50%	3.440.000
91	NGUYỄN ĐỨC LÂM	07/03/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A1CL	A00	25,05	100%	6.880.000
92	Nguyễn Đức Toàn	18/09/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A1CL	A00	25,00	100%	6.880.000
93	Trần Văn Thịnh	16/05/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A3HN	A00	24,65	100%	6.880.000
94	Nguyễn Trung Hiếu	22/04/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A5HN	D01	24,45	100%	6.880.000
95	NGUYỄN VĂN SANG	10/06/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A3HN	C01	24,40	100%	6.880.000
96	DOÃN THANH THẮNG	26/07/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A3HN	A00	24,40	100%	6.880.000
97	Nguyễn Văn Lâm	06/06/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A6HN	A00	24,35	100%	6.880.000
98	Vũ Văn Thắng	17/12/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A1CL	A00	24,30	100%	6.880.000
99	NGUYỄN VĂN VŨ	22/09/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A4HN	C01	24,25	50%	3.440.000
100	NGHIÊM PHẠM HOÀNG ANH	23/08/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A6HN	A00	24,15	50%	3.440.000
101	NGUYỄN TIẾN LÂM	07/02/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A1CL	A00	24,10	50%	3.440.000
102	Phạm Minh Hiếu	09/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A5HN	A01	24,00	50%	3.440.000
103	Nguyễn Đức Chiến	08/08/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A1CL	A00	23,95	50%	3.440.000
104	PHẠM NGỌC ĐỨC	24/02/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A1HN	D01	23,90	50%	3.440.000
105	PHẠM THỊ THÙY	20/08/2002	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A1CL	A00	23,85	50%	3.440.000
106	NGUYỄN DUY ANH	07/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A4HN	D01	23,80	50%	3.440.000
107	Nguyễn Văn Đức	19/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A6HN	A00	23,75	50%	3.440.000
108	Vũ Đình Việt	04/06/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A4HN	A00	23,70	50%	3.440.000
109	Hoàng Việt Dũng	07/04/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A6HN	A00	23,70	50%	3.440.000
110	Trần Văn Phong	04/08/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A1CL	C01	23,65	50%	3.440.000
111	Phan Văn Thành	27/09/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A2HN	A00	23,65	50%	3.440.000
112	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	09/07/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A2HN	A00	23,55	50%	3.440.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
113	Vũ Mạnh Cường	11/11/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A5HN	A00	23,50	50%	3.440.000
114	Võ Duy Huy	06/05/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A1CL	A00	23,45	50%	3.440.000
115	Nguyễn Mậu Vũ	21/02/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A1CL	A00	23,45	50%	3.440.000
116	HÀ QUANG ANH	01/10/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A2HN	A00	23,40	50%	3.440.000
117	BÙI TIẾN DŨNG	03/08/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A1CL	A00	23,35	50%	3.440.000
118	Nguyễn Tuấn Linh	14/12/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A2HN	A00	23,30	50%	3.440.000
119	Nguyễn Kỳ Danh	26/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A2HN	A00	23,25	50%	3.440.000
120	MẪN BÁ ĐƯỢC	30/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A1CL	A00	23,20	50%	3.440.000
121	NGUYỄN VIỆT ANH	28/02/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A1CL	A00	23,20	50%	3.440.000
122	Phạm Văn Toàn	26/11/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A6HN	A00	23,20	50%	3.440.000
123	PHẠM VIỆT ANH	07/01/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A5HN	A00	23,15	50%	3.440.000
124	ĐINH HỮU ĐẠT	11/09/2002	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	TĐH 14A6HN	A01	23,15	50%	3.440.000
125	MAI ANH	09/02/2002	Nữ	Công nghệ sợi, dệt	Dệt 14AHN	D01	24,65	100%	6.880.000
126	NGUYỄN MINH DƯƠNG	29/11/2002	Nam	Công nghệ sợi, dệt	Dệt 14AHN	A00	20,75	50%	3.440.000
127	Nguyễn Kim Cương	18/02/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	A01	26,75	100%	6.880.000
128	Nguyễn Minh Sâm	26/02/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	D01	25,65	100%	6.880.000
129	LÊ ANH ĐỨC	07/11/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	A00	24,90	100%	6.880.000
130	TRẦN ĐỨC MẠNH	01/10/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	A00	24,80	100%	6.880.000
131	Trần Văn Thịnh	20/07/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	A00	24,75	100%	6.880.000
132	NGUYỄN HOÀNG LONG	27/02/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	A00	24,70	100%	6.880.000
133	Nguyễn Văn Nam	23/05/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A12HN	A00	24,65	100%	6.880.000
134	Lê Thị Tuyết Nga	03/08/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A13HN	A01	24,50	100%	6.880.000
135	MAI NGỌC ĐỨC	09/08/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	A01	24,40	100%	6.880.000
136	NGUYỄN VĂN ĐỨC	19/07/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	A00	24,35	100%	6.880.000
137	Vũ Đức Cao	26/06/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A1HN	A00	24,35	100%	6.880.000
138	Kiều Quang Khải	10/10/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A9HN	C01	24,35	100%	6.880.000
139	Đặng Đức Chính	01/01/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	B00	24,30	100%	6.880.000
140	Dương Viết Anh Minh	26/09/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A11HN	A01	24,25	100%	6.880.000
141	Nguyễn Đức Toàn	13/09/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	B00	24,25	100%	6.880.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
142	NGUYỄN XUÂN THẮNG	09/05/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A11HN	A00	24,20	50%	3.440.000
143	ĐÀM THỊ KIỀU TRANG	21/05/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	A00	24,20	50%	3.440.000
144	HOÀNG THỊ THU THẢO	28/08/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A9HN	C01	24,20	50%	3.440.000
145	Nguyễn Văn Long	08/10/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A4HN	A00	24,20	50%	3.440.000
146	Mã Tiến Thành	08/06/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A5HN	A00	24,20	50%	3.440.000
147	NGUYỄN THÀNH SƠN	19/10/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	C01	24,15	50%	3.440.000
148	Nguyễn Văn Đức	22/05/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A12HN	A00	24,15	50%	3.440.000
149	Nguyễn Trọng Hiệp	21/11/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	A00	24,10	50%	3.440.000
150	Trần Quang Mạnh	23/04/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A12HN	A00	24,10	50%	3.440.000
151	Nguyễn Ngọc Tân	14/01/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	A00	24,05	50%	3.440.000
152	Nguyễn Lương Bằng	18/12/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A7HN	A00	24,00	50%	3.440.000
153	Vũ Khương Duy	30/03/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	A00	24,00	50%	3.440.000
154	Đinh Thị Hương	09/10/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A13HN	D01	24,00	50%	3.440.000
155	Phạm Thị Thanh Huyền	25/08/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A12HN	A00	24,00	50%	3.440.000
156	Vũ Văn Sơn	26/10/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	D01	24,00	50%	3.440.000
157	PHẠM HOÀNG DƯƠNG	21/11/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	A00	23,95	50%	3.440.000
158	Nguyễn Vũ An	08/09/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1HN	A01	23,95	50%	3.440.000
159	Vũ Ngọc Diễm	17/06/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A1HN	A00	23,95	50%	3.440.000
160	ĐOÀN MINH THẮNG	28/08/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	A00	23,90	50%	3.440.000
161	Nguyễn Xuân Thực	12/07/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	C01	23,90	50%	3.440.000
162	ĐÀO ĐỨC THỊNH	03/09/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	A00	23,85	50%	3.440.000
163	HÀ THANH TÙNG	27/06/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	C01	23,85	50%	3.440.000
164	NGUYỄN MINH VĂN	04/05/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A7HN	C01	23,85	50%	3.440.000
165	Nguyễn Thị Giang	07/06/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A9HN	A00	23,85	50%	3.440.000
166	Lê Anh Tuấn Vũ	16/02/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	D01	23,85	50%	3.440.000
167	Đặng Thị Yến	06/04/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A2HN	A00	23,85	50%	3.440.000
168	Nguyễn Đình Phúc	08/12/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A10HN	C01	23,75	50%	3.440.000
169	Vũ Thị Ánh Trinh	16/07/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A12HN	C01	23,75	50%	3.440.000
170	LÊ THỊ QUỲNH	20/10/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	A00	23,70	50%	3.440.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
171	Đoàn Trọng Tâm	02/04/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A11HN	A00	23,70	50%	3.440.000
172	Kiều Thanh Thảo	20/03/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	D01	23,70	50%	3.440.000
173	Vũ Đức Trung	07/12/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2HN	A00	23,65	50%	3.440.000
174	TRẦN VĂN THINH	02/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A6HN	A00	23,60	50%	3.440.000
175	PHẠM MINH TIẾN	18/04/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A5HN	D01	23,60	50%	3.440.000
176	LÊ MINH TRƯỜNG	15/05/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2HN	C01	23,60	50%	3.440.000
177	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	25/08/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	A00	23,60	50%	3.440.000
178	Ngô Hà Duy	19/07/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	C01	23,60	50%	3.440.000
179	Ngô Đình Phú	28/03/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	A00	23,60	50%	3.440.000
180	Trần Hồng Sơn	25/08/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	D01	23,60	50%	3.440.000
181	Nguyễn Đức Tùng	26/11/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	C01	23,60	50%	3.440.000
182	TRẦN VĂN THUYÊN	05/08/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	A01	23,55	50%	3.440.000
183	Bùi Khắc Hiếu	27/03/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A9HN	A00	23,55	50%	3.440.000
184	Đoàn Trung Hiếu	13/11/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A6HN	A00	23,55	50%	3.440.000
185	Vũ Ngọc Huyền	29/08/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	A00	23,55	50%	3.440.000
186	Vũ Mạnh Cường	25/11/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	A01	23,55	50%	3.440.000
187	TRẦN NGÔ MINH THẮNG	05/01/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	A01	23,50	50%	3.440.000
188	Nguyễn Khắc Anh	03/08/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A12HN	C01	23,50	50%	3.440.000
189	Lê Trung Hiếu	27/11/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	C01	23,50	50%	3.440.000
190	Đỗ Việt Nhật	22/08/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A1CL	D01	23,50	50%	3.440.000
191	Nguyễn Văn Sinh	04/11/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A9HN	A00	23,50	50%	3.440.000
192	LÊ VĂN TUẤN	05/04/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	C01	23,45	50%	3.440.000
193	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	17/11/2002	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin 14A13HN	A00	23,45	50%	3.440.000
194	Phạm Anh Dũng	07/01/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Tin 14A2CL	C01	23,45	50%	3.440.000
195	Nguyễn Song Hà	01/07/2002	Nữ	Công nghệ thực phẩm	Thực phẩm 14A1HN	D01	24,40	100%	6.880.000
196	Nguyễn Thị Hải Thư	15/12/2002	Nữ	Công nghệ thực phẩm	Thực phẩm 14A1HN	D01	24,30	100%	6.880.000
197	Phan Minh Hà	27/11/2002	Nữ	Công nghệ thực phẩm	Thực phẩm 14A1HN	C01	24,25	50%	3.440.000
198	ĐÀO THỊ KIM NGÂN	04/12/2002	Nữ	Công nghệ thực phẩm	Thực phẩm 14A1HN	A00	23,75	50%	3.440.000
199	NGUYỄN THỊ HOÀI ANH	04/01/2002	Nữ	Công nghệ thực phẩm	Thực phẩm 14A1HN	A00	23,25	50%	3.440.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
200	Mạc Thị Linh	06/01/2002	Nữ	Công nghệ thực phẩm	Thực phẩm 14A1HN	D01	22,80	50%	3.440.000
201	ĐỖ ANH TUẤN	17/09/2001	Nam	Công nghệ thực phẩm	Thực phẩm 14A1HN	A00	22,15	50%	3.440.000
202	LƯƠNG THÙY LINH	20/08/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	D01	26,05	100%	6.880.000
203	Hà Ngọc Tú	15/08/2002	Nam	Kế toán	Kế toán 14A1CL	A00	26,05	100%	6.880.000
204	Nguyễn Thúy Hường	27/06/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	C01	25,80	100%	6.880.000
205	Phạm Thị Thúy Hiền	29/07/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A15HN	C01	25,50	100%	6.880.000
206	PHẠM THỊ THÙY LINH	10/01/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	A00	25,45	100%	6.880.000
207	VŨ THỊ YẾN CHI	16/12/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	D01	25,25	100%	6.880.000
208	TRẦN VIỆT HƯNG	30/03/2002	Nam	Kế toán	Kế toán 14A1ND	D01	25,20	100%	6.880.000
209	Lê Thị Nhung	13/04/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	A00	25,20	100%	6.880.000
210	PHẠM THỊ VÂN ANH	06/07/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A3HN	A00	25,05	100%	6.880.000
211	Tạ Quỳnh Mai	10/01/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	D01	25,05	100%	6.880.000
212	NGUYỄN THỊ CÚC	22/09/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A5HN	A00	25,00	100%	6.880.000
213	Phạm Thị Phương Thảo	26/01/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A12HN	C01	24,80	100%	6.880.000
214	Đặng Thị Thương	10/08/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1ND	C01	24,80	100%	6.880.000
215	NGUYỄN THỊ LAN	10/12/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	D01	24,75	100%	6.880.000
216	Nguyễn Thị Linh Trang	04/11/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A16HN	C01	24,75	100%	6.880.000
217	Nguyễn Thị Hồng Thắm	24/10/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A12HN	A00	24,70	100%	6.880.000
218	TRẦN VŨ THỊ BÍCH LOAN	21/10/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A8HN	C01	24,65	100%	6.880.000
219	Hà Thị Hằng Nga	04/07/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A15HN	B00	24,60	100%	6.880.000
220	Nguyễn Lệ Thu	15/07/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A13HN	A00	24,55	100%	6.880.000
221	Lê Thị Thùy	05/03/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A12HN	C01	24,55	100%	6.880.000
222	Trịnh Huyền Trang	30/07/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A7HN	B01	24,50	50%	3.440.000
223	VŨ THUỲ LINH	07/06/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	A00	24,45	50%	3.440.000
224	Phạm Ánh Hồng	06/11/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	C01	24,45	50%	3.440.000
225	Lê Ngọc Huyền	22/12/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	D01	24,45	50%	3.440.000
226	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG	03/06/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	A00	24,40	50%	3.440.000
227	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	25/11/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A7HN	A00	24,40	50%	3.440.000
228	HÀ THỊ TRINH	20/06/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A6HN	A00	24,40	50%	3.440.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
229	Phạm Thị Thanh Huyền	14/10/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A15HN	C01	24,40	50%	3.440.000
230	LÃ THỊ NHUNG	27/02/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A10HN	A00	24,35	50%	3.440.000
231	ĐỖ MAI CHI	02/10/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	A00	24,35	50%	3.440.000
232	PHAN THỊ NGA	23/04/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A5HN	A00	24,35	50%	3.440.000
233	PHẠM TÔ HOÀNG LINH	13/05/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	A00	24,35	50%	3.440.000
234	TẠ THỊ VÂN ANH	25/11/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A10HN	C01	24,25	50%	3.440.000
235	HỒNG THỊ NGỌC HÀ	26/04/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	A01	24,25	50%	3.440.000
236	HOÀNG THỊ LĨNH	17/05/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A16HN	A00	24,20	50%	3.440.000
237	LÊ VĂN DƯƠNG	16/12/2002	Nam	Kế toán	Kế toán 14A5HN	A01	24,15	50%	3.440.000
238	TRẦN NHẬT LINH	24/12/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1HN	A00	24,10	50%	3.440.000
239	VŨ TƯỜNG VI	24/06/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	A00	24,10	50%	3.440.000
240	Nguyễn Thị Thái An	29/05/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	A00	24,10	50%	3.440.000
241	Phạm Thị Mỹ Linh	07/08/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	A01	24,10	50%	3.440.000
242	Nguyễn Thị Thu	19/09/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A16HN	C01	24,05	50%	3.440.000
243	TRỊNH LINH ĐAN	14/07/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	D01	24,00	50%	3.440.000
244	LÊ THỊ QUỲNH ANH	04/08/2000	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	D01	24,00	50%	3.440.000
245	Triệu Trà My	14/07/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A14HN	C01	24,00	50%	3.440.000
246	Nhâm Thị Thanh Tâm	23/12/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	A01	23,95	50%	3.440.000
247	Nguyễn Thị Thảo	04/04/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A12HN	A00	23,95	50%	3.440.000
248	LÊ THỊ HẰNG	05/11/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	A00	23,90	50%	3.440.000
249	Phạm Thị Nga	26/03/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A13HN	A00	23,90	50%	3.440.000
250	TRƯƠNG THỊ KHÁNH LY	30/01/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A17HN	A01	23,85	50%	3.440.000
251	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	07/08/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A17HN	D01	23,85	50%	3.440.000
252	Nguyễn Thị Phương Châm	22/11/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A12HN	c01	23,85	50%	3.440.000
253	Trần Tuấn Dũng	12/07/2002	Nam	Kế toán	Kế toán 14A1ND	D01	23,85	50%	3.440.000
254	Phạm Thị Quỳnh	27/02/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	C01	23,85	50%	3.440.000
255	Dương Thị Phương Thảo	25/01/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	D01	23,85	50%	3.440.000
256	Trần Thị Tình	24/02/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A4HN	D01	23,85	50%	3.440.000
257	DƯƠNG THỊ THÚY DỊU	07/10/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A11HN	D01	23,85	50%	3.440.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
258	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	25/12/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	A00	23,80	50%	3.440.000
259	PHẠM THỊ PHƯƠNG LOAN	12/08/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A16HN	A00	23,80	50%	3.440.000
260	Đỗ Thị Cúc	16/06/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2HN	A00	23,80	50%	3.440.000
261	Đỗ Thị Thúy Hà	31/12/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2HN	A00	23,80	50%	3.440.000
262	Vũ Thị Thu Hiền	15/10/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A13HN	A00	23,80	50%	3.440.000
263	Trần Thị Minh Huyền	06/11/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A13HN	A00	23,80	50%	3.440.000
264	Đỗ Thị Tâm	09/11/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	C01	23,80	50%	3.440.000
265	Trịnh Thị Ngọc	01/01/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A12HN	C01	23,75	50%	3.440.000
266	ĐỖ THỊ THU HUYỀN	10/12/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A4HN	A00	23,70	50%	3.440.000
267	PHẠM THỊ QUỲNH HOA	02/05/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A5HN	A00	23,70	50%	3.440.000
268	TRỊNH NGỌC BÍCH	28/09/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A17HN	A00	23,70	50%	3.440.000
269	Nguyễn Thị Thu Hương	20/06/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A6HN	A00	23,70	50%	3.440.000
270	Tạ Thu Mai Quỳnh	24/08/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	C01	23,70	50%	3.440.000
271	NGUYỄN QUYẾT TIẾN	27/11/2002	Nam	Kế toán	Kế toán 14A7HN	A00	23,65	50%	3.440.000
272	Hà Phương Anh	14/10/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A5HN	D01	23,65	50%	3.440.000
273	Lê Hương Dịu	12/06/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A5HN	D01	23,65	50%	3.440.000
274	Đoàn Thị Trang Nhung	07/06/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	A01	23,65	50%	3.440.000
275	Nguyễn Thị Thùy Trang	02/01/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	A00	23,65	50%	3.440.000
276	ĐẶNG KHÁNH LINH	19/02/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A6HN	A01	23,60	50%	3.440.000
277	Đặng Thị Ngọc Lan	26/03/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	C01	23,60	50%	3.440.000
278	Lê Thị Quỳnh Như	19/11/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	D01	23,60	50%	3.440.000
279	PHẠM THỊ THÙY	04/12/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	D01	23,60	50%	3.440.000
280	NGUYỄN THỊ THU	06/07/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	A00	23,55	50%	3.440.000
281	Kim Kim Anh	11/11/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A15HN	D01	23,55	50%	3.440.000
282	Trần Thị Tú Anh	29/08/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	C01	23,55	50%	3.440.000
283	Nguyễn Ngọc Mai	11/11/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A1CL	D01	23,55	50%	3.440.000
284	ĐÀO THỊ KIỀU CHINH	05/07/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	D01	23,55	50%	3.440.000
285	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	08/09/2002	Nữ	Kế toán	Kế toán 14A2CL	D01	23,55	50%	3.440.000
286	Nguyễn Khánh Hà	24/10/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A6HN	A00	26,45	100%	6.880.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
287	Nguyễn Phương Thanh	04/11/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	A00	25,85	100%	6.880.000
288	Đỗ Thị Huyền Trang	08/03/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A4HN	D01	25,50	100%	6.880.000
289	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	06/09/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	D01	25,20	100%	6.880.000
290	Phạm Mai Hoa	30/10/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	A00	25,20	100%	6.880.000
291	NGUYỄN KHÁNH TÙNG	17/04/2002	Nam	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	A00	25,00	100%	6.880.000
292	Trần Minh Quang	05/04/2002	Nam	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A4HN	D01	24,90	100%	6.880.000
293	Trịnh Ngọc Huyền	22/09/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A6HN	D01	24,80	50%	3.440.000
294	Đinh Hồng Lam	16/07/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A5HN	C01	24,80	50%	3.440.000
295	Đoàn Phương Anh	07/10/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A6HN	D01	24,70	50%	3.440.000
296	Trần Thị Tú Uyên	11/10/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A6HN	C01	24,60	50%	3.440.000
297	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	26/07/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1HN	A01	24,55	50%	3.440.000
298	Lê Thị Lan	08/01/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A5HN	D01	24,50	50%	3.440.000
299	Phan Đăng Tùng	05/07/2002	Nam	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	A00	24,50	50%	3.440.000
300	Nguyễn Thị Thùy Linh	20/01/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	D01	24,30	50%	3.440.000
301	Nguyễn Thị Hường	30/10/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A4HN	D01	24,20	50%	3.440.000
302	Đào Lê Đức Thọ	28/10/2002	Nam	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A6HN	D01	24,20	50%	3.440.000
303	DƯƠNG ÁNH TUYẾT	13/07/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A2HN	C01	24,15	50%	3.440.000
304	Phạm Thị Hồng Nhung	08/10/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	D01	24,15	50%	3.440.000
305	Nguyễn Thị Hoán	29/12/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A5HN	D01	24,10	50%	3.440.000
306	ĐOÀN NGỌC HUYỀN	12/05/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A3HN	A00	24,05	50%	3.440.000
307	Nguyễn Thị Linh	16/02/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A4HN	D01	24,05	50%	3.440.000
308	Phạm Quang Dương	05/03/2002	Nam	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A6HN	A01	24,00	50%	3.440.000
309	Vũ Thị Nhung	16/01/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	A00	24,00	50%	3.440.000
310	Lưu Thu Trang	26/10/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A5HN	a00	24,00	50%	3.440.000
311	Hoàng Văn Toàn	22/10/2002	Nam	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	A00	23,95	50%	3.440.000
312	Vũ Thị Bảo Yến	22/02/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	D01	23,90	50%	3.440.000
313	Phạm Thị Ngoan	28/03/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	C01	23,85	50%	3.440.000
314	Nguyễn Thị Diệu Linh	20/11/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	D01	23,80	50%	3.440.000
315	Võ Duy Mạnh	05/08/2002	Nam	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	A01	23,70	50%	3.440.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
316	Lã Thị Hiền	07/10/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A6HN	A00	23,65	50%	3.440.000
317	Nguyễn Trần Thảo Ly	09/12/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A4HN	A01	23,60	50%	3.440.000
318	HÀ THỊ GIA HÂN	24/08/2002	Nữ	Kinh doanh thương mại	KDTM 14A1CL	D01	23,55	50%	3.440.000
319	NGUYỄN TUẤN TÀI	22/03/2002	Nam	Mạng máy tính và TTDL	Mạng máy tính 14A2HN	A00	24,70	100%	6.880.000
320	HOÀNG SƠN	12/11/2002	Nam	Mạng máy tính và TTDL	Mạng máy tính 14A2HN	A00	24,65	100%	6.880.000
321	VŨ MINH TÂN	02/07/2002	Nam	Mạng máy tính và TTDL	Mạng máy tính 14A2HN	A01	24,60	50%	3.440.000
322	HOÀNG THỊ MINH ÁNH	14/06/2002	Nữ	Mạng máy tính và TTDL	Mạng máy tính 14A2HN	A00	24,45	50%	3.440.000
323	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	26/10/2002	Nữ	Mạng máy tính và TTDL	Mạng máy tính 14A2HN	D01	24,00	50%	3.440.000
324	LƯU QUANG LONG	01/11/2002	Nam	Mạng máy tính và TTDL	Mạng máy tính 14A2HN	A00	23,90	50%	3.440.000
325	Hoàng Thị Thùy	25/01/2002	Nữ	Mạng máy tính và TTDL	Mạng máy tính 14A2HN	C01	23,90	50%	3.440.000
326	ĐÀO DUY HỢP	11/09/2002	Nam	Mạng máy tính và TTDL	Mạng máy tính 14A2HN	A00	23,80	50%	3.440.000
327	Lương Tuệ Minh	01/08/2002	Nam	Mạng máy tính và TTDL	Mạng máy tính 14A2HN	A01	23,25	50%	3.440.000
328	Trương Thị Hằng	30/02/2002	Nữ	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh 14A1HN	D01	24,60	100%	6.880.000
329	Nguyễn Hương Linh	18/07/2002	Nữ	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh 14A2HN	A00	24,50	50%	3.440.000
330	Trần Thị Trà My	15/12/2002	Nữ	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh 14A1HN	A01	24,20	50%	3.440.000
331	Nguyễn Công Việt	29/12/2001	Nam	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh 14A1HN	A01	24,15	50%	3.440.000
332	Ngô Thùy Kha	11/11/2002	Nữ	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh 14A2HN	C01	24,05	50%	3.440.000
333	Đặng Thế Dinh	27/09/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	A00	25,55	100%	6.880.000
334	Nguyễn Hoàng Nhi	04/12/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	A01	25,50	100%	6.880.000
335	Phạm Văn Thiệu	17/04/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A13HN	C01	25,50	100%	6.880.000
336	Vũ Mai Duyên	01/01/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	D01	25,45	100%	6.880.000
337	Phạm Thu Hà	25/02/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A11HN	D01	25,40	100%	6.880.000
338	HOÀNG THANH THẢO	13/06/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1ND	D01	25,00	100%	6.880.000
339	Nguyễn Trọng Kiên	24/07/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A9HN	A00	25,00	100%	6.880.000
340	Đàm Minh Trang	27/11/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A13HN	A01	25,00	100%	6.880.000
341	Nguyễn Thị Lan	01/12/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A8HN	A00	24,90	100%	6.880.000
342	Nguyễn Thị Kim Anh	27/09/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A13HN	A00	24,85	100%	6.880.000
343	Lê Thị Mỹ Hoa	17/06/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A8HN	D01	24,70	100%	6.880.000
344	Trịnh Thị Trà	19/03/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A6HN	D01	24,65	100%	6.880.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
345	Nguyễn Linh Chi	28/04/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1HN	C01	24,60	100%	6.880.000
346	Nguyễn Thị Thu Hòa	17/01/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	D01	24,60	100%	6.880.000
347	Lưu Khánh Linh	07/01/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	A00	24,60	100%	6.880.000
348	Lê Thị Anh	07/10/2001	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2HN	A00	24,55	100%	6.880.000
349	Vũ Ngọc Huyền	15/07/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	D01	24,50	100%	6.880.000
350	Nguyễn Phúc Nam	02/11/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	C01	24,50	100%	6.880.000
351	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	08/05/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A6HN	A00	24,50	100%	6.880.000
352	Vũ Hương Giang	22/12/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	A00	24,40	100%	6.880.000
353	Nguyễn Thị Hồng Tâm	19/09/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A12HN	C01	24,40	100%	6.880.000
354	Vũ Thị Kim Anh	04/05/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	D01	24,35	50%	3.440.000
355	Nguyễn Bảo Minh Châu	11/03/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A13HN	D01	24,35	50%	3.440.000
356	Nguyễn Thị Lan Hương	25/11/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A10HN	C01	24,35	50%	3.440.000
357	TÔ TÙNG ANH	17/06/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	A01	24,30	50%	3.440.000
358	Nguyễn Thị Hường	21/04/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	C01	24,30	50%	3.440.000
359	Bùi Thị Thúy Kiều	10/05/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A11HN	C01	24,30	50%	3.440.000
360	Nguyễn Thị Ngọc Trang	25/12/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	A01	24,30	50%	3.440.000
361	Phạm Tuấn Anh	02/12/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	C01	24,25	50%	3.440.000
362	Nguyễn Cao Đại	24/06/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A15HN	A00	24,25	50%	3.440.000
363	Nguyễn Mạnh Trường	25/03/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A11HN	B00	24,25	50%	3.440.000
364	NGUYỄN THU HIỀN	08/09/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A9HN	D01	24,20	50%	3.440.000
365	Nguyễn Hữu Du	26/11/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	A00	24,20	50%	3.440.000
366	Đặng Thanh Lâm	21/07/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	A00	24,20	50%	3.440.000
367	Nguyễn Hồng Nhung	08/06/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A5HN	A00	24,20	50%	3.440.000
368	NGUYỄN HẠ NHI	24/08/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A9HN	A00	24,15	50%	3.440.000
369	Hoàng Tuấn Anh	13/04/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A12HN	A00	24,15	50%	3.440.000
370	Hoàng Thị Kim Chi	07/12/2001	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2HN	A00	24,15	50%	3.440.000
371	Nguyễn Thu Huế	09/01/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A15HN	A00	24,15	50%	3.440.000
372	Ngô Thị Thảo	19/03/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	A00	24,15	50%	3.440.000
373	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	20/11/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A5HN	C01	24,10	50%	3.440.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
374	Bùi Thị Thùy Dung	30/06/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A9HN	C01	24,10	50%	3.440.000
375	Trần Thị Thảo Nguyên	29/09/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A10HN	D01	24,10	50%	3.440.000
376	Lê Phương Trang	27/09/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	A00	24,10	50%	3.440.000
377	NGUYỄN THỊ NHÂM	05/11/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A7HN	D01	24,05	50%	3.440.000
378	Nghiêm Thị Thu Mười	01/08/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A11HN	A00	24,05	50%	3.440.000
379	Nguyễn Thị Hồng Chi	03/07/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A7HN	C01	23,85	50%	3.440.000
380	Trần Thị Thu Hằng	12/10/1999	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A12HN	A00	23,85	50%	3.440.000
381	Mai Nhật Linh	13/09/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A7HN	C01	23,85	50%	3.440.000
382	Mã Văn Tiến	29/03/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	C01	23,85	50%	3.440.000
383	Nguyễn Thị Hương	18/12/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	D01	23,80	50%	3.440.000
384	Trần Lệ Mỹ	04/09/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	A01	23,80	50%	3.440.000
385	Trần Thị Hồng Nhung	10/10/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A15HN	A00	23,80	50%	3.440.000
386	Vũ Thị Trang	17/10/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	D01	23,80	50%	3.440.000
387	Nguyễn Thị Thúy Kiều	26/10/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A7HN	C01	23,70	50%	3.440.000
388	Vũ Thị Diệu Ngân	03/11/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A15HN	C01	23,70	50%	3.440.000
389	Nguyễn Thị Ngọc	03/06/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	D01	23,70	50%	3.440.000
390	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/01/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	D01	23,70	50%	3.440.000
391	Tạ Thị Thu Hậu	31/05/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A6HN	A00	23,65	50%	3.440.000
392	Trần Quốc Khánh	21/02/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A15HN	A00	23,65	50%	3.440.000
393	Đỗ Thị Trà	03/02/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	A01	23,65	50%	3.440.000
394	Đào Thị Huyền Trang	15/12/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A8HN	A00	23,65	50%	3.440.000
395	Nguyễn Xuân Sơn	03/03/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A11HN	D01	23,60	50%	3.440.000
396	Phan Đình Vũ	11/05/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A10HN	A01	23,60	50%	3.440.000
397	Nguyễn Hương Giang	17/07/2002	Nữ	Quản Trị Kinh Doanh	QTKD 14A7HN	A01	23,55	50%	3.440.000
398	Phạm Thị Linh Chi	24/07/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	A00	23,50	50%	3.440.000
399	Lê Thu Hương	24/01/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1ND	D01	23,50	50%	3.440.000
400	Nguyễn Thị Minh Ánh	29/07/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	D01	23,45	50%	3.440.000
401	Đoàn Sỹ Tuấn	28/06/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	C01	23,45	50%	3.440.000
402	Nguyễn Thị Thùy Linh	12/02/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A15HN	D01	23,40	50%	3.440.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
403	Trần Thùy Linh	14/08/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	D01	23,40	50%	3.440.000
404	Lê Ngọc Quỳnh	29/12/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A13HN	D01	23,40	50%	3.440.000
405	VĂN THỊ THU HIỀN	12/12/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	A00	23,35	50%	3.440.000
406	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	11/03/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	D01	23,35	50%	3.440.000
407	Nguyễn Văn Đức	01/01/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	A00	23,35	50%	3.440.000
408	Nguyễn Thị Nhung	24/03/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	D01	23,35	50%	3.440.000
409	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	12/10/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	D01	23,30	50%	3.440.000
410	Phạm Lê Việt Anh	02/07/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A11HN	A00	23,30	50%	3.440.000
411	Trần Thế Anh	06/05/2001	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A2CL	D01	23,30	50%	3.440.000
412	TRƯƠNG HẢI YẾN	10/11/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A3HN	D01	23,20	50%	3.440.000
413	LÊ THẾ HUY	19/08/2002	Nam	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A12HN	A00	23,20	50%	3.440.000
414	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	01/11/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A5HN	D01	23,20	50%	3.440.000
415	Lê Thị Thu Hằng	28/05/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A1CL	A00	23,20	50%	3.440.000
416	Trần Thị Thục Quyên	28/05/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	QTKD 14A9HN	C01	23,20	50%	3.440.000
417	Lương Hà Vân Anh	11/10/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A3HN	D01	25,00	100%	6.880.000
418	Vũ Ngọc Huyền	25/05/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A6HN	C01	25,00	100%	6.880.000
419	Nguyễn Thị Ngọc Linh	18/10/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A2HN	D01	24,80	100%	6.880.000
420	Phan Thị Trang Nhung	11/01/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A5HN	D01	24,80	100%	6.880.000
421	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	12/02/2002	Nam	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A6HN	D01	24,75	100%	6.880.000
422	Nguyễn Thị Phương Thảo	31/01/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A5HN	A01	24,75	100%	6.880.000
423	ĐÀO HỮU CHÂU	21/03/2002	Nam	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A6HN	A01	24,50	100%	6.880.000
424	Lê Thị Lan	17/12/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A2HN	C01	24,30	50%	3.440.000
425	NGUYỄN THỊ KIỀU LINH	18/01/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A6HN	A00	24,25	50%	3.440.000
426	Lê Thị Minh Thu	25/09/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A5HN	D01	24,25	50%	3.440.000
427	Nguyễn Thị Thắm	02/02/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A5HN	A00	24,05	50%	3.440.000
428	Phạm Thị Thùy Dung	07/02/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A6HN	D01	24,05	50%	3.440.000
429	Nguyễn Thị Duyên	04/10/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A4HN	D01	23,90	50%	3.440.000
430	PHẠM ĐỨC TRUNG	18/11/2002	Nam	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A6HN	A00	23,80	50%	3.440.000
431	Nguyễn Đức Tú	18/03/2002	Nam	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A2HN	C01	23,80	50%	3.440.000

TT	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Lớp	Mã THM	Tổng điểm 3 môn thi	Mức học bổng	Số tiền (đồng)
432	NGUYỄN TRỊNH LONG VŨ	11/12/2002	Nam	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A6HN	A00	23,75	50%	3.440.000
433	Nguyễn Vân Ly	02/07/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A3HN	D01	23,75	50%	3.440.000
434	Mai Thị Hà Trang	28/11/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A4HN	A00	23,70	50%	3.440.000
435	Trịnh Tuyết Lan	08/01/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A2HN	A00	23,65	50%	3.440.000
436	Hoàng Thị Yến Nhi	22/01/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A3HN	D01	23,65	50%	3.440.000
437	Lê Thị Thu Trang	02/11/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A5HN	D01	23,65	50%	3.440.000
438	VŨ PHƯƠNG THẢO	26/11/2000	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A5HN	A01	23,60	50%	3.440.000
439	NGUYỄN THU THUYÊN	01/11/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A6HN	D01	23,55	50%	3.440.000
440	Đặng Ngọc Đông	03/08/2002	Nam	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A4HN	A00	23,55	50%	3.440.000
441	Bùi Thị Thu Hường	29/10/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A3HN	C01	23,55	50%	3.440.000
442	Nguyễn Thị Thanh	14/07/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A2HN	C01	23,55	50%	3.440.000
443	NGUYỄN THỊ NGÂN	21/06/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A4HN	D01	23,40	50%	3.440.000
444	LÊ MAI HƯƠNG	10/03/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A6HN	D01	23,40	50%	3.440.000
445	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10/04/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A2HN	A00	23,40	50%	3.440.000
446	Hồ Thị Lan Anh	14/11/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A4HN	D01	23,35	50%	3.440.000
447	Phạm Thị Ngọc Lan	17/01/2002	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	TCNH 14A5HN	D01	23,35	50%	3.440.000
	Cộng								***1.885.120.000***

Bằng chữ: Một tỷ tám trăm tám mươi lăm triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng chẵn!

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2020

DUYỆT **PHÒNG TCKT** **Phòng Công tác sinh viên**